

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2023

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn, nuôi
con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Tư
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Vũ Thị Kim Quỳnh;
2. Ông Nông Hữu Thái.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 71/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** sinh năm 1981;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trung H1** sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Tổ A, phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

(Chị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Trung H1 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 13/3/2003. Cuộc sống vợ chồng hơn mười năm đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ đầu năm 2015, khi anh H1 có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác và tôi có đi đánh người phụ nữ đó tại Chợ Đ và bị Công an phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn gọi đến giải quyết và tôi đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Vì vậy, sau khi sự việc trên xảy ra thì cuộc sống vợ chồng chúng tôi luôn mâu thuẫn, bất hòa, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Kể từ đó tôi đã không còn tình cảm, lòng tin, tình yêu với anh H1 nữa; nhưng do vì lúc đó tôi mới sinh con chưa được bao lâu nên tôi cố gắng chịu đựng chờ con lớn đủ hiểu và biết suy nghĩ thì tôi mới làm thủ tục ly hôn với anh H1. Do tôi không còn tình cảm, tình yêu với anh H1 nữa nên vợ chồng luôn to tiếng vì không còn tiếng nói chung, có nhiều lần anh H1 còn đe dọa khủng bố tinh thần hoặc dùng vũ lực đối

với tôi như vào khoảng cuối tháng 11/2022, sau khi bị anh H1 đánh thì tôi bị ngắt phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng tôi đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà; đến cuối tháng 4 năm 2023 vợ chồng chính thức không còn chung sống với nhau nữa. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin được ly hôn anh Nguyễn Trung H1.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung tên là Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003, Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, khi ly hôn, tôi sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và tôi không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Nguyễn Trung H1 trong quá trình tố tụng trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời trình bày của chị H về quá trình hôn nhân. Hai bên đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 13/3/2003. Cuộc sống vợ chồng hơn mười năm đầu hòa thuận, hạnh phúc; từ năm 2021 chị H có nhắn tin kết bạn trên mạng xã hội và nảy sinh tình cảm với người đàn ông khác, tôi có nhắc nhở chị H tình cảm trên mạng của người đàn ông đó là ảo và chị H cũng đã nhận ra và cắt liên lạc với người đàn ông đó. Đến đầu năm 2022 chị H có quen một người đàn ông khác (theo tôi được biết người đó tự xưng là bộ đội sinh năm 1996 quê Đ, Thái Nguyên), người này nói là mình bị tai nạn và nhờ chị H giúp đỡ, chị H đã chuyển vào tài khoản cho người này là 500.000đ, sau đó vẫn thường xuyên nhắn tin qua lại với nhau, còn có phát sinh tình cảm với nhau hay không thì tôi không biết vì chị H cài đặt mật khẩu nên tôi không biết là họ đã nhắn tin và nói chuyện gì với nhau, điều đó thể hiện là chị H đã không tôn trọng tôi. Sau khi tôi phát hiện tôi đã lấy điện thoại của chị H và xóa kết bạn, chặn zalo và facebook của người đàn ông này. Sau đó chị H cũng đã hủy kết bạn với tôi và chặn cả tiktok để nhắn tin qua tiktok với người đàn ông này. Từ tháng 8 năm 2022, vợ chồng tôi đã ly thân nhưng vẫn ở chung nhà; đến cuối tháng 4 năm 2023 vợ chồng chính thức không còn chung sống với nhau nữa vì tôi đã chuyển đi nơi khác sinh sống ly thân. Sau lần đến Tòa án làm việc vào ngày 15/5/2023, tôi xin được tạm dừng giải quyết vụ án một tháng để vợ chồng có cơ hội cùng nhìn nhận lại để hàn gắn tình cảm vợ chồng; tôi có gặp vợ để trao đổi hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng vợ tôi nhất quyết không trao đổi và cho tôi cơ hội nào để nói chuyện hàn gắn tình cảm, kể cả tôi có nhắn tin qua điện thoại nhưng vợ cũng không nhất trí cho tôi cơ hội để vợ chồng hàn gắn. Tôi cũng không biết cách nào để vợ tôi cho tôi cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay tôi muốn trao đổi cũng không được vì vợ tôi không chịu gặp mặt, tin nhắn, điện thoại cũng không được vì vợ tôi đã chặn không thể liên lạc được, giờ tôi cũng không có giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H vì vợ chồng tôi vẫn đang sống ly thân. Tuy chị H nói không còn tình cảm với tôi và

muốn ly hôn tôi không nhất trí ly hôn vì tôi vẫn còn tình cảm với chị H và mong vợ chồng đoàn tụ cho các con có một gia đình trọn vẹn.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung tên là Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003, Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, nếu phải ly hôn, tôi sẽ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và tôi không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đúng như chị H trình bày.

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn và nuôi con chung sau ly hôn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xét yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn của chị Nguyễn Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H. Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết vụ việc xin ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử theo luật định.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B,

tỉnh Bắc Kạn vào ngày 13/3/2003. Đây là hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó, hôn nhân của chị H và anh H1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng hơn mười năm đầu hòa thuận, hạnh phúc, nhưng từ tháng 6 năm 2022 đến nay phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đến cuối tháng 4 năm 2023 vợ chồng chị H, anh H1 chính thức không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, không còn tin tưởng, quan tâm đến nhau nữa.

Chị H làm đơn xin ly hôn anh H1 vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc do không tìm được tiếng nói chung, không có sự tin tưởng, quan tâm thấu hiểu nhau. Từ đầu năm 2015, chị đã không còn tình cảm, lòng tin, tình yêu với anh H1 nữa; nhưng vì lúc đó chị H mới sinh con chưa được bao lâu nên chị cố gắng chịu đựng chờ con lớn đủ hiểu và biết suy nghĩ thì chị mới làm thủ tục ly hôn với anh H1. Từ tháng 6 năm 2022 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhưng vẫn ở chung nhà; đến cuối tháng 4 năm 2023 vợ chồng chị H, anh H1 chính thức không còn chung sống với nhau, mỗi người một nơi không còn quan tâm chăm sóc và liên lạc gì với nhau. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh H1 cho thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa anh H1 và chị H hơn mười năm đầu hạnh phúc, nhưng về sau có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, mất niềm tin và không tôn trọng ý kiến của nhau nên không còn quan tâm đến nhau nữa, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, tin tưởng và bỏ mặc nhau trong cuộc sống, anh H1 không muốn ly hôn nhưng cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị H và anh H1 có 03 con chung tên là Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003, Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường. Cháu Nguyễn Diệu L sinh ngày 15/9/2003 đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Nguyễn Gia N và Nguyễn Anh Q, từ khi chị H và anh H1 ly thân đến nay, cháu N và Q sống trực tiếp với chị H. Khi ly hôn, anh H1, chị H đều có nguyện vọng được nuôi hai con chung là cháu Nguyễn Gia N và Nguyễn Anh Q. Xét thấy, cháu Nguyễn Gia N và Nguyễn Anh Q còn nhỏ, đang sống ổn định với chị H, các cháu phát triển tốt cả về thể chất lẫn tinh thần; mặt khác, hiện nay thu nhập của chị H là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)/tháng, cũng đủ điều kiện nuôi con chung và phù hợp với nguyện vọng của hai con chung là muốn được ở với chị H. Do đó cần tiếp tục giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp.

[4]. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu nên không xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Trung H1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trung H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Nguyễn Gia N sinh ngày 07/9/2009 và Nguyễn Anh Q sinh ngày 02/01/2014, hai con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (phù hợp với nguyện vọng của hai con chung).

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0002320 ngày 07/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trung H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tỉnh Bắc Kạn (01b);
- VKSND tp. Bắc Kạn (02b);
- Chi cục THADS tp. Bắc Kạn (01b, khi Án có hiệu lực);
- Các đương sự (01b);
- UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn (Nơi ĐKKH 01b);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tạ Văn Tư

- Luru.